

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ LAN

**SỰ ĐỔI LẬP GIỮA CHỦ NGHĨA KINH
NGHIỆM VÀ CHỦ NGHĨA DUY LÝ THỂ KỶ
XVII - XVIII VỚI SỰ PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN
NHẬN THỨC DUY VẬT BIỆN CHỨNG**

Chuyên ngành : Triết học

Mã số : 60 22 80

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. NGUYỄN TẤN HÙNG**

Phản biện 1: **TS. TRẦN NGỌC ÁNH**

Phản biện 2: **TS. NGUYỄN THẾ TU**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sỹ Khoa học Xã hội và Nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 6 tháng 9 năm 2013

Có thể tìm luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vấn đề bản chất, con đường nhận thức và tiêu chuẩn của chân lý là một trong những đề tài tranh luận gay gắt trong suốt lịch sử phát triển của tư duy nhân loại. Ngoài những quan niệm duy tâm tôn giáo quy bản chất của nhận thức về sự “hòa nhập” của cái tôi với vũ trụ, sự “hồi tưởng” của linh hồn về kiếp trước, sự “mặc khải” những tri thức của Thượng đế cho con người, còn có hai khuynh hướng đối lập nhau là *chủ nghĩa kinh nghiệm* và *chủ nghĩa duy lý*. Tuy có mầm mống từ thời cổ đại, nhưng hai trào lưu này nở rộ và phát triển gay gắt từ thời cận đại và vẫn còn có ảnh hưởng lớn trong nhiều trào lưu triết học đương đại.

Tiếp thu những thành quả tư tưởng của nhân loại qua nhiều thời đại mà trực tiếp nhất là triết học cổ điển Đức, tư duy biện chứng Mác-xít được xây dựng, vạch ra những quy luật vận động và phát triển phổ biến của tự nhiên, xã hội và tư duy. Vì thế, tư duy biện chứng Mác-xít với tư cách là chìa khóa giúp cho con người nhận thức và cải tạo thế giới một cách khoa học. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng đã chỉ ra những hạn chế của chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý thế kỉ XVII - XVIII và khắc phục những đối lập của hai trào lưu này bằng việc đưa thực tiễn vào lý luận nhận thức.

Nghiên cứu vấn đề nhận thức luận trong triết học Tây Âu thế kỉ XVII - XVIII có một ý nghĩa vô cùng quan trọng vì đến giai đoạn này, nhận thức luận đã trở thành một nội dung trọng yếu của triết học. Những vấn đề cơ bản của nhận thức, của tư duy đúng đắn được đem ra bàn cãi, tranh luận sôi nổi và toàn bộ những tìm tòi, thành quả cũng như những khó khăn, bế tắc mà triết học thời này gặp phải đã có một ảnh hưởng to lớn và để lại một dấu ấn đậm nét trong sự hình thành nhận thức luận duy vật của Mác – Ăngghen.

Tuy vậy, đây là một vấn đề rất tế nhị và phức tạp cho nên nhiều bộ óc vĩ đại trong triết học đương đại vẫn còn chưa thoát khỏi những sai lầm hạn chế của quá khứ, như *chủ nghĩa kinh nghiệm logic* của trường phái Vienna, *chủ nghĩa duy lý phê phán* của Karl Raimund Popper. Nếu không hiểu rõ sự đối lập giữa hai trào lưu này về nhận thức luận, những hạn chế của mỗi trào lưu và cách khắc phục chúng trong lý luận nhận thức duy vật biện chứng, chúng ta vẫn có thể rơi vào sai lầm này một cách không tự giác.

Trong phần mở đầu của cuốn sách giáo khoa triết học ở Mỹ “Từ Socrates đến Sartre: Sự đi tìm triết học” cũng nêu lên những câu hỏi còn nóng hổi trong lý luận nhận thức: “Tri thức chân thực có nguồn gốc trong sự tri giác bằng giác quan hay trong lý trí của con người, hay ở một tồn tại siêu tự nhiên. Chân lý là cố định, vĩnh cửu, tuyệt đối, hay chân lý biến đổi, tương đối? Có những giới hạn của sự nhận thức của chúng ta không? Đó là những câu

hỏi của một ngành triết học gọi là lý luận nhận thức hay nhận thức luận.”

Triết học Mác - Lênin tuy đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cảm giác và tư duy, giữa kinh nghiệm và lý tính bằng việc chỉ ra mối quan hệ biện chứng giữa hai giai đoạn, hai trình độ nhận thức này và đưa vai trò của thực tiễn vào trong quá trình nhận thức, tuy nhiên trong quá trình vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô trước đây và các nước xã hội chủ nghĩa ngày nay, trong rất nhiều trường hợp, các đảng cộng sản vẫn còn vấp phải những sai lầm, hạn chế của chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý.

Với mong muốn giải quyết sự hoài nghi bấy lâu về câu trả lời của “The philosophic Quest” (sự đi tìm triết học) về nguồn gốc, bản chất và con đường nhận thức, để nhấn mạnh một lần nữa tính đúng đắn của quan điểm lý luận nhận thức duy vật biện chứng và đồng thời nhằm góp phần khắc phục triệt để những ảnh hưởng tiêu cực của chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu cho luận văn triết học của mình: ***“Sự đối lập giữa chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý thế kỷ XVII - XVIII với sự phát triển lý luận nhận thức duy vật biện chứng”***.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài nhằm mục tiêu nghiên cứu khái quát sự đối lập giữa chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý thế kỷ XVII – XVIII

về bản chất và con đường nhận thức, về tiêu chuẩn của chân lý trên cơ sở đó làm rõ sự kế thừa của chủ nghĩa duy vật biện chứng về những mặt tích cực và khắc phục những mặt hạn chế của hai trào lưu nhận thức luận này trong phát triển lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu :

Đề tài nghiên cứu dưới góc độ lịch sử triết học mà chủ yếu là tập trung vào sự đối lập về quan điểm, xoay quanh vấn đề lý luận nhận thức (bản chất và con đường nhận thức, vấn đề chân lý) của các trường phái và đại biểu khác nhau của hai khuynh hướng chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa kinh nghiệm thế kỉ XVII – XVIII, dưới ánh sáng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng, qua đó chỉ ra được sự kế thừa và sự khắc phục hạn chế đối với hai trào lưu nhận thức này và làm rõ tính đúng đắn của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài vận dụng tổng hợp những nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trong đó chú trọng sử dụng các nhóm phương pháp: Triu tượng hóa – khái quát hóa; phân tích – tổng hợp; lịch sử - logic; so sánh – đối chiếu; tổng kết, đánh giá mục đích làm rõ vấn đề nghiên cứu.

5. Bộ cục luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, phần nội dung gồm hai chương (06 tiết)

Chương 1. Chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý – những quan điểm đối lập về lý luận nhận thức.

Chương 2. Vai trò của chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý thế kỉ XVII – XVIII trong sự phát triển lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

6. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong triết học cổ đại, hầu hết các nhà triết học đã đề cập đến vấn đề bản chất và con đường nhận thức; có nhà triết học tuyệt đối hóa vai trò của lý tính, có nhà triết học nhấn mạnh vai trò của kinh nghiệm. Tuy nhiên, chưa có những công trình nghiên cứu làm rõ sự đối lập này.

Thế kỉ XVII chứng kiến sự nở rộ của chủ nghĩa duy lý với ba đại biểu xuất sắc: René Descartes (Pháp), Baruch Spinoza (Hà Lan) và G. Leibniz (Đức). Các nhà triết học thời kì này tuy có đóng góp lớn là đánh giá cao vai trò của tư duy khoa học, tư duy lý luận, chống lại niềm tin mù quáng và giáo điều tôn giáo, nhưng lại rơi vào một cực đoan trong lý luận nhận thức.

Chủ nghĩa kinh nghiệm có truyền thống ở nước Anh với ông tổ của nó là Francis Bacon và phát triển mạnh ở cuối thế kỉ XVII – XVIII với ba đại biểu xuất sắc là John Locke, George Berkeley và David Hume. Chủ nghĩa kinh nghiệm của John Locke

còn nằm trong phạm vi của chủ nghĩa duy vật, cho rằng vật chất tồn tại khách quan, độc lập với cảm giác, kinh nghiệm của chúng ta. Tuy nhiên, trong triết học George Berkeley và David Hume chủ nghĩa kinh nghiệm Anh chuyển sang một hướng khác – chủ nghĩa duy tâm chủ quan, như vậy đã rơi vào một cực đoan khác trong lý luận nhận thức.

Các nhà sáng lập triết học Mác - Lênin đã nghiên cứu sự đối lập giữa chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý, chỉ ra và tìm cách khắc phục những hạn chế và sự đối lập cứng nhắc giữa hai trào lưu này bằng cách đưa thực tiễn vào con đường nhận thức chân lý và đã thực sự đưa lý luận nhận thức lên một trình độ phát triển mới.

Tuy nhiên, thế kỉ XX vẫn còn tiếp tục chứng kiến sự phát triển chủ nghĩa kinh nghiệm với các đại biểu là Bertrand Russell và trường phái Vienna, chủ nghĩa duy lý với Karl R. Popper. Chủ nghĩa kinh nghiệm phát triển ở Mỹ cuối thế kỉ XIX – thế kỉ XX ở trào lưu chủ nghĩa thực dụng với các đại biểu Charles S. Peirce, William James và John Dewey. Cuộc đấu tranh về lý luận giữa hai khuynh hướng nhận thức luận này góp phần làm sáng tỏ những đóng góp và hạn chế của hai khuynh hướng nhận thức này.

Hiện nay trên thế giới, nghiên cứu về sự đối lập giữa hai trào lưu này đã lôi kéo rất nhiều nhà triết học tham gia bằng các sách, các bài viết, như bài “*chủ nghĩa duy lý chống lại chủ nghĩa kinh nghiệm*” (Rationalism vs. Empiricism) của Peter Markie đăng trên The Stanford Encyclopedia of Philosophy; các bài về *Chủ nghĩa*

kinh nghiệm (Empiricism) và *Chủ nghĩa duy lý* (rationalism) trên Wikipedia, the Free Encyclopedia.

Ở Việt Nam, trước 1975, nhà nghiên cứu Trần Thái Đình có một số công trình dịch và chú giải các tác phẩm của Descartes. Trong công trình này, tác giả đã dịch và đưa ra nhiều bình luận, đánh giá, chú giải về triết học Descartes nói chung và triết học duy lý của ông nói riêng.

Trong cuốn *Các nhà toán học – triết học* của Nguyễn Cang (Nxb. Đại Học Quốc Gia, Thành phố Hồ Chí Minh, 2004), tác giả chỉ ra ảnh hưởng của toán học đến phương pháp luận triết học của Descartes và Leibniz.

Nghiên cứu về Descartes còn có công trình của Trần Đỗ Dũng: *“Descartes: Con người, Cuộc đời và tư tưởng”* (Lửa thiêng, Sài Gòn, 1974), của Giáo sư Nguyễn Trọng Chuẩn với tác phẩm *“R. Descartes”* (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995).

Ở nước ta, trong những năm gần đây trên Tạp chí Triết học xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu chung quanh đề tài này: *Về ranh giới giữa kinh nghiệm và lý luận trong nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn* của Bùi Đình Luận (Tạp chí Triết học số 2, 1992); *Kinh nghiệm - thực chất và ý nghĩa* của Vũ Anh Tuấn (Tạp chí Triết học, số 4, 1993); *Vấn đề kết hợp các phương pháp nhận thức trong quá trình nhận thức bản chất sự vật* của Phạm Thị Hồng Yến (Tạp chí Triết học, số 2, 2000); *Về vai trò của logic quy nạp trong nhận thức khoa học* của Nguyễn Gia Thơ (Tạp chí Triết học số 6, 2000); *Những quan niệm khác nhau trong*

lịch sử triết học về bản chất, con đường nhận thức và tiêu chuẩn của chân lý của Nguyễn Tân Hùng (Tạp chí Triết học, số 3, 2006).

Ngoài ra còn có một số luận văn triết học nghiên cứu về đề tài này, như luận văn của Phan Huy Chính, trong đó tác giả đã dành chương 1 để phân tích sự đối lập giữa chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa duy cảm trong triết học Tây Âu thế kỉ XVII - XVIII và những vấn đề đặt ra với nhận thức luận của Kant.

Tuy nhiên, nhìn chung, ở nước ta chưa có một công trình nghiên cứu đầy đủ và có hệ thống để chỉ ra những đóng góp và hạn chế, và nhất là những ảnh hưởng tiêu cực của hai trào lưu nhận thức luận quan trọng này trong gia đình hiện nay và biện pháp khắc phục chúng.

CHƯƠNG 1

CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM VÀ CHỦ NGHĨA DUY LÝ- NHỮNG QUAN ĐIỂM ĐỐI LẬP VỀ LÝ LUẬN NHẬN THỨC

1.1. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM VỀ BẢN CHẤT VÀ CON ĐƯỜNG NHẬN THỨC CHÂN LÝ

1.1.1. Khái niệm về chủ nghĩa kinh nghiệm.

Thuật ngữ “chủ nghĩa kinh nghiệm” là khuynh hướng triết học cho rằng *kinh nghiệm*, đặc biệt là *kinh nghiệm cảm tính* (những gì chúng ta quan sát được bằng giác quan), là nguồn gốc duy nhất của mọi tri thức.

1.1.2. Quan niệm cơ bản của chủ nghĩa kinh nghiệm thế kỷ XVII – XVIII về bản chất và con đường nhận thức.

Locke coi quan sát, thực nghiệm khoa học và phương pháp quy nạp là con đường duy nhất để đạt được tri thức khoa học, từ đó hình thành một truyền thống trong triết học Anh: chủ nghĩa kinh nghiệm.

Người ta ghi nhận Locke với khẳng định của ông rằng tâm thức con người là một *tabula rasa*, tức một “tấm bảng trắng”.

Để thể hiện lập trường duy giác luận của mình *John Locke* đã có những khẳng định có tính chất kết luận: không có tư tưởng bẩm sinh, mọi nhận thức của con người đều được sinh ra từ trong kinh nghiệm.

Là nhà triết học duy tâm chủ quan George Berkeley đã phủ nhận sự tồn tại khách quan của sự vật và cho rằng “tồn tại là được tri giác”, trong quan niệm của ông, vật chất không tồn tại. Chỉ có những sự vật cụ thể tồn tại với tính cách là “tập hợp các cảm giác” hay “tập hợp các ý niệm” trong đầu óc con người, chúng vốn dĩ là tinh thần. Vì vậy, sự vật chỉ là sự tổng hợp của những biểu tượng được bao bọc trong một cái tên và sự vật sẽ mất đi khi những cảm giác của chủ thể không còn nữa.

Ông giải thích “tồn tại là được tri giác” Quan niệm về con đường nhận thức, George Berkeley không phủ nhận khái niệm trừu tượng, nhưng theo ông, tư duy trừu tượng chỉ có khả năng chia tách, lắp ghép, tưởng tượng mà thôi.

Tiếp nối lập trường triết học của George Berkeley, nhà triết học người Scotland là *David Hume* (1711-1776).

D. Hume tin rằng mọi tri thức đều bắt nguồn từ *kinh nghiệm* và rằng ý thức bao gồm không có gì khác hơn là *một tập hợp các tri giác*.

David Hume kết luận rằng những thứ như niềm tin vào một thế giới bên ngoài và niềm tin vào sự tồn tại của bản thân không thể được chứng minh bằng lý luận.

Hạn chế lớn nhất của D. Hume chính là ông đã phủ nhận sự phân biệt về chất giữa những cảm xúc là sản phẩm của tri giác cảm tính với tư tưởng là sản phẩm của tư duy. Theo ông, cảm giác là tất cả, tư tưởng chỉ là bản sao mờ.

Tiêu chuẩn để thẩm định tri thức là tính rõ ràng của tri giác cảm tính, tính đơn giản và dễ hiểu, tính tương đồng của nhiều cảm giác, tính thừa nhận của chủ thể và sự phù hợp tuân theo ý chúa. Tiêu chí phù hợp và tuân theo ý chúa được đặt lên hàng đầu.

Tóm lại, chủ nghĩa kinh nghiệm là trào lưu triết học coi *kinh nghiệm* (cảm giác, tri giác) là cơ sở duy nhất của nhận thức. Mọi tri thức của con người đều xuất phát từ kinh nghiệm. Không có tri thức bẩm sinh. Từ những kinh nghiệm cảm tính trực tiếp, bằng con đường quy nạp người ta đi đến những tri thức chung. Chủ nghĩa kinh nghiệm không thừa nhận những tri thức do lý tính thuần túy đem lại. Chủ nghĩa kinh nghiệm có thể là duy vật (John Locke), nhưng cũng có thể phát triển cực đoan thành chủ nghĩa duy tâm chủ quan (Berkeley, Hume).

1.2. QUAN NIỆM CỦA CHỦ NGHĨA DUY LÝ VỀ BẢN CHẤT VÀ CON ĐƯỜNG NHẬN THỨC

1.2.1. Khái niệm về chủ nghĩa duy lý.

Thuật ngữ “chủ nghĩa duy lý” cho rằng chỉ cần có lý tính, không cần kinh nghiệm, có thể đạt đến chân lý căn bản về thế giới.

1.2.2. Những quan niệm cơ bản của chủ nghĩa duy lý thế kỉ XVII - XVIII về bản chất và con đường nhận thức.

Thế kỉ XVII ở phương Tây được gọi là thời đại lý tính hay thời đại duy lý với ba nhà triết học duy lý lớn : *René Descartes*

(1596-1650), *Baruch Spinoza* (1632 - 1677) và *Gottfried W. Leibniz* (1646-1716).

Theo họ, chỉ có lý tính trừu tượng mới có thể sản sinh ra chân lý.

Trong lĩnh vực nhận thức luận, Descartes được xem là người sáng lập ra chủ nghĩa duy lý.

Quan niệm về con đường nhận thức Descartes cho rằng, nhận thức của con người không thể dừng lại ở cấp độ cảm tính mà phải vươn lên khả năng cao nhất của trí tuệ, đó không gì khác ngoài ánh sáng tự nhiên.

Spinoza, nhà triết gia lừng danh của xứ Hà Lan, sinh năm (1632 – 1677), ông là một nhà duy lý lớn của triết học thế kỷ XVII.

Về nhận thức luận. Là người theo chủ nghĩa duy lý một cách mạnh mẽ nên Spinoza đã đề cao vai trò của trí tuệ.

Quan niệm về con đường nhận thức, ông khẳng định: nhận thức từ cảm tính là tương đối, không xác thực, kết quả không đáng tin cậy bởi vì, đó là nhận thức của trích đoạn, còn nhận thức trực giác đem lại cho chúng ta những tri thức toàn vẹn đáng tin cậy bởi, đó là kết quả được rút ra từ tính tổng thể toàn diện của khách thể.

Vấn đề nhận thức luận của Leibniz được ông tập trung trình bày ở bốn nhóm nội dung.

Thứ nhất, ông thừa nhận khả năng nhận thức của con người một cách vô hạn.

Thứ hai, thừa nhận sự vật tồn tại khách quan theo quy luật, nhận thức phải phát hiện ra điều đó.

Thứ ba, quá trình nhận thức trải qua ba dạng, nhận thức cảm tính, nhận thức giác tính và nhận thức trực giác (tư duy lý tính)

Thứ tư, thừa nhận tự do ý chí của con người.

Bàn về chân lý và tiêu chuẩn của chân lý, nhà duy lý Descartes cho rằng *tiêu chuẩn cuối cùng* của các chân lý cơ bản là *tính rõ ràng và tính mạch lạc* của tư tưởng mà không phải là thực tiễn.

Theo ông, những chân lý đáng tin cậy chỉ đạt được ở *giai đoạn lý tính*.

Bằng quan điểm tuyệt đối hóa nhận thức lý tính của tư duy, tuyệt đối hóa vai trò của tư duy trừu tượng, phủ nhận giai đoạn nhận thức trực quan cảm tính nhiều nhà triết học thời kỳ này được xem là những con người xây dựng hệ thống nhất quán về lý luận nhận thức. Mặc dù chưa thể thoát khỏi ảnh hưởng của chủ nghĩa duy tâm và thần học. Đứng dưới góc độ xem xét các vấn đề tôn giáo dưới ánh sáng của lý tính, vì thế, đã loại bỏ được những mê tín và giáo điều tôn giáo.

1.3. SỰ ĐỐI LẬP, NHỮNG ĐÓNG GÓP VÀ HẠN CHẾ CỦA CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM VÀ CHỦ NGHĨA DUY LÝ THẾ KỶ XVII – XVIII.

1.3.1. Thực chất của sự đối lập giữa chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý thế kỷ XVII – XVIII.

Sự đối lập giữa chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý trong lịch sử triết học thế kỷ XVII - XVIII chính là sự đối lập trong quan điểm về bản chất và con đường nhận thức chân lý. Mỗi khuynh hướng đều tuyệt đối hóa một mặt nhất định. Lịch sử triết học thế kỷ XVII – XVIII, là thời kỳ tồn tại đồng thời của hai khuynh hướng: duy cảm và duy lý với hai phương pháp quy nạp và diễn dịch.

Ph. Bêcon là người có công đề xuất lôgic quy nạp. Đối lập với quan điểm của các nhà kinh nghiệm, một số nhà triết học duy lý thế kỷ XVII – XVIII lại đề cao của phương pháp diễn dịch. Cho rằng, phương pháp quy nạp của các nhà kinh nghiệm chủ nghĩa không thể xác lập tri thức đúng đắn mà chỉ thông qua con đường suy luận diễn dịch mới có thể tiếp cận tới tri thức đúng đắn, tiếp cận tới chân lý.

Thực ra, quá trình nhận thức bao gồm cả hai phương diện : cảm tính và lý tính, kinh nghiệm và lý luận, chúng nằm trong sự thống nhất biện chứng với nhau. Nhưng chính sự cường điệu một mặt của nhận thức dẫn đến sự đối lập giữa hai trào lưu nhận thức luận nói trên.

1.3.2. Những đóng góp và hạn chế của chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý thế kỉ XVII – XVIII.

Chủ nghĩa kinh nghiệm với phương pháp quy nạp và chủ nghĩa duy lý với phương pháp diễn dịch đều chứa đựng những hạt nhân hợp lý và những đóng góp *nhất định*.

Như vậy, quan niệm chủ đạo của các nhà triết học phương Tây thế kỉ XVII – XVIII về vấn đề bản chất, con đường nhận thức và tiêu chuẩn chân lý nhìn chung còn tồn tại nhiều hạn chế, phiến diện; vấn đề lý luận nhận thức chưa được giải quyết một cách khoa học, đặc biệt chưa thấy được đầy đủ vai trò của thực tiễn đối với nhận thức.

CHƯƠNG 2

VAI TRÒ CỦA CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM VÀ CHỦ NGHĨA DUY LÝ THẾ KỈ XVII - XVIII TRONG SỰ PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN NHẬN THỨC DUY VẬT BIỆN CHỨNG

2.1. QUAN ĐIỂM LÝ LUẬN NHẬN THỨC DUY VẬT BIỆN CHỨNG VỀ BẢN CHẤT VÀ CON ĐƯỜNG NHẬN THỨC.

2.1.1. Quan điểm của lý luận nhận thức duy vật biện chứng về bản chất của nhận thức.

Kế thừa những thành tựu hợp lý, khắc phục những mặt hạn chế trong quan điểm lý luận nhận thức của các nhà triết học duy cảm, duy lý thế kỉ XVII – XVIII, lý luận nhận thức duy vật biện chứng đưa ra quan điểm riêng của mình về bản chất của nhận thức như sau:

Lý luận nhận thức duy vật biện chứng dựa trên một số tiền đề sau:

- a) Thừa nhận thế giới vật chất tồn tại khách quan độc lập với ý thức của con người*
- b) Nhận thức là sự phản ánh năng động, sáng tạo.*
- c) Khẳng định nhận thức là một quá trình biện chứng.*
- d) Nhận thức phải dựa trên hoạt động thực tiễn.*

2.1.2. Quan điểm lý luận nhận thức duy vật biện chứng về con đường nhận thức chân lý.

Về con đường nhận thức, lý luận nhận thức Mác - Lênin không thừa nhận bất cứ con đường nhận thức nào khác ngoài nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính.

Trong tác phẩm “Bút ký triết học” Lênin đã tổng kết con đường biện chứng của quá trình nhận thức như sau: “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý , của sự nhận thức thực tại khách quan”.

Tuy nhiên, điều mới mẻ mà triết học Mác đã làm là đưa thực tiễn vào lý luận nhận thức, coi thực tiễn là một khâu không thể thiếu được trong quá trình nhận thức.

a) Sự thống nhất giữa nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính.

Nếu nhận thức cảm tính là quá trình tích lũy về lượng những tri thức cảm tính, thì nhận thức lý tính là bước phát triển tất yếu của nhận thức cảm tính, là bước đầu nhảy vọt về chất của nhận thức.

Nhận thức cảm tính và lý tính có cùng chung đối tượng phản ánh, đó là các sự vật; cùng chung chủ thể phản ánh đó là con người và cùng do thực tiễn quy định. Đây là hai giai đoạn hợp thành quá trình nhận thức. Do vậy, chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, biểu hiện: Nhận thức cảm tính là cơ sở cung cấp tài liệu

cho nhận thức lý tính; nhận thức lý tính nhờ có tính khái quát cao hiểu được bản chất nên đóng vai trò định hướng cho nhận thức cảm tính để có thể phản ánh được sâu sắc hơn.

b) Nhận thức đi từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn.

Nhận thức của con người không dừng lại ở tư duy trừu tượng mà tiếp tục đi đến thực tiễn.

Để kiểm tra sự đúng sai của chân lý, xác nhận giá trị của lý luận, biến lý luận thành hiện thực cần phải quay trở lại với thực tiễn. Bởi, chỉ khi thông qua thực tiễn mới kiểm tra được tính phù hợp hay không phù hợp của những tri thức cũ, và là cơ sở bổ sung cho những tri thức mới.

2.2. NHỮNG KẾ THỪA HỢP LÝ TỪ CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM VÀ CHỦ NGHĨA DUY LÝ THẾ KỈ XVII – XVIII TRONG PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN NHẬN THỨC DUY VẬT BIỆN CHỨNG.

Chủ nghĩa kinh nghiệm với phương pháp quy nạp và chủ nghĩa duy lý với phương pháp diễn dịch đều chứa đựng những hạt nhân hợp lý và những đóng góp nhất định đối với việc phát triển lý luận nhận thức.

Như vậy, cả chủ nghĩa duy cảm và chủ nghĩa duy lý thế kỉ XVII - XVIII đều có những đóng góp nhất định, là cơ sở đưa tới sự phát triển của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

2.3. VAI TRÒ CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG TRONG KHẮC PHỤC HẠN CHẾ CỦA CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM VÀ CHỦ NGHĨA DUY LÝ THỂ KỶ XVII - XVIII

2.3.1. Sự phê phán những hạn chế của chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý thế kỷ XVII – XVIII.

Như vậy, cả chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý đều phạm phải sai lầm phiến diện khi tuyệt đối hóa một mặt của nhận thức.

Cả chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý đều chưa thấy vai trò của thực tiễn trong quá trình nhận thức.

Một hạn chế khác của chủ nghĩa kinh nghiệm là không thừa nhận tính khách quan của các khái niệm phổ biến.

Chủ nghĩa duy lý cũng có những hạn chế nhất định. Hạn chế lớn nhất của chủ nghĩa duy lý là: phủ nhận vai trò của kinh nghiệm cảm tính

2.3.2. Sự khắc phục mặt hạn chế của chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý thế kỷ XVII - XVIII trong việc phát triển lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã kế thừa một cách có phê phán những thành tựu của tư duy nhân loại, cụ thể là vấn đề lý luận nhận thức trong lịch sử triết học Tây Âu thế kỷ XVII – XVIII và sáng tạo nên chủ nghĩa duy vật triết học triệt để, không điều hòa với chủ nghĩa duy tâm và phép siêu hình, phát triển lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

a) Khẳng định đối tượng khách quan của nhận thức.

Lý luận nhận thức duy vật biện chứng khẳng định đối tượng của nhận thức *không phải là kinh nghiệm* (như quan niệm của chủ nghĩa kinh nghiệm), cũng không phải là những *tư tưởng bẩm sinh, những cấu tạo tinh thần* ở trong đầu óc con người (như chủ nghĩa duy lý khẳng định), mà là *thế giới khách quan tồn tại độc lập với nhận thức*.

b) Khẳng định vai trò và cấp độ của quá trình nhận thức

Nhận thức là một quá trình biện chứng diễn ra rất phức tạp, bao gồm nhiều giai đoạn, trình độ, vòng khâu và hình thức khác nhau. Tùy theo tính chất của sự nghiên cứu mà quá trình đó được chia ra thành các cấp độ khác nhau như: nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính; nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận hay nhận thức thông thường và nhận thức khoa học.

Nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận là hai giai đoạn nhận thức khác nhau, có quan hệ biện chứng với nhau. Trong đó nhận thức kinh nghiệm là cơ sở của nhận thức lý luận. Nó cung cấp cho nhận thức lý luận những tư liệu phong phú, cụ thể. Vì nó gắn chặt với thực tiễn nên tạo thành cơ sở hiện thực để kiểm tra, sửa chữa, bổ sung cho lý luận và cung cấp tư liệu để tổng kết thành lý luận.

c) Khẳng định vai trò của thực tiễn đối với nhận thức.

C.Mác và Ph. Ăngghen đã thực hiện một bước chuyển biến cách mạng trong lý luận nhận thức bằng cách đưa phạm trù thực tiễn vào trong lý luận nhận thức.

Việc đưa thực tiễn vào lý luận nhận thức đã khắc phục được những hạn chế vốn có của chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý trong lịch sử triết học nói chung nhất là chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý thế kỉ XVII – XVIII nói riêng. Lý luận, thực tiễn còn là tiêu chuẩn kiểm tra tính đúng đắn của kinh nghiệm và lý luận.

d) Khẳng định sự thống nhất giữa các nguyên tắc trong quá trình nhận thức.

Phân tích và *tổng hợp* là hai phương pháp nhận thức khác nhau song lại thống nhất biện chứng với nhau. Sự thống nhất giữa phân tích và tổng hợp là một yếu tố quan trọng của phương pháp biện chứng. Vì vậy, không nên cường điệu hóa một mặt hoặc phương pháp phân tích hoặc phương pháp tổng hợp.

Theo quan điểm của các nhà triết học duy vật biện chứng nhận định, thực ra, cả hai phương pháp quy nạp và diễn dịch đều có vai trò nhất định trong suy luận lôgic. Phương pháp quy nạp đem lại cho con người những tri thức chung còn phương pháp diễn dịch cho ta những tri thức về cái cụ thể.

Làm nên sự phát triển mới của lý luận nhận thức duy vật biện chứng ngoài những nguyên tắc cơ bản trên còn có nhóm

nguyên tắc khác, đó là: nguyên tắc thống nhất giữa cụ thể và trừu tượng, nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn.

2.3.3. Đấu tranh khắc phục những biểu hiện sai lầm của chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa kinh nghiệm trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Bệnh giáo điều là khuynh hướng *cường điệu lý luận, coi thường thực tiễn, tách rời lý luận khỏi thực tiễn.*

Bệnh kinh nghiệm, là khuynh hướng tư tưởng tuyệt đối hóa kinh nghiệm sẵn có của bản thân, không chịu khó học tập lý luận, không tiếp thu và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong công tác, thiếu nhìn xa trông rộng, coi thường giới trí thức, dễ bảo thủ trì trệ.

Để khắc phục bệnh giáo điều và bệnh kinh nghiệm, cần phải tăng cường nghiên cứu, đổi mới công tác lý luận, tổng kết thực tiễn, từ bỏ lối nghiên cứu kinh viện, gắn lý luận với thực tiễn, tăng cường giáo dục nâng cao trình độ cho cán bộ Đảng viên và nhân dân.

Trên cơ sở nền tảng triết học Mác - Lênin, Đảng và Nhà nước ta đã học tập và tiếp thu tư tưởng tiến bộ, đề ra những mục tiêu, phương hướng chỉ đạo chính xác, đúng đắn, sát với thực tiễn, để xây dựng và phát triển xã hội, phù hợp với hoàn cảnh đất nước.

KẾT LUẬN

Trong việc đi tìm nguồn gốc, bản chất và con đường nhận thức của con người, lịch sử triết học luôn chứng kiến cuộc đấu tranh gay gắt giữa chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý.

Chủ nghĩa duy kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý là hai khuynh hướng nhận thức đối lập nhau đấu tranh gay gắt với nhau trong suốt chiều dài lịch sử triết học. Cho đến thế kỉ XVII - XVIII, trước những biến đổi lớn của xã hội Tây Âu, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, sự đối lập của hai khuynh hướng nhận thức này càng thể hiện rõ nét.

Mặt khác, tuy đấu tranh với nhau gay gắt nhưng có khi chúng lại chịu ảnh hưởng của nhau. Leibniz thừa nhận bên cạnh những chân lý của lý trí còn có các chân lý của sự kiện bắt nguồn từ kinh nghiệm. Locke trong khi phê phán gay gắt học thuyết về tư tưởng bẩm sinh của Descartes thì vẫn chịu ảnh hưởng của Descartes khi ông phân chia các đặc tính của sự vật thành “chất có trước” và “chất có sau”.

Chủ nghĩa kinh nghiệm với phương pháp quy nạp và chủ nghĩa duy lý với phương pháp diễn dịch đều chứa đựng những hạt nhân hợp lý và những đóng góp nhất định. Tuy nhiên, mỗi khuynh hướng đó đều có những hạn chế riêng của nó. Cả chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý trong lịch sử triết học thế kỉ XVII – XVIII đều phạm phải sai lầm là sự phiến diện khi tuyệt đối hóa một mặt của nhận thức.

Trong triết học Mác, nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận là hai mặt không thể tách rời nhau, nhưng đều có những hạn chế nhất định, do đó nếu tuyệt đối hóa một mặt sẽ rơi vào cách tiếp cận phiến diện, một chiều. Nguyên nhân của bất cập trong lý luận nhận thức trong hai trào lưu nhận thức luận này sau này được Mác chỉ ra và khắc phục bằng cách *đưa thực tiễn vào lý luận nhận thức*.

Đòi hỏi trước mắt cũng như trong thời gian sắp tới chúng ta phải không ngừng đổi mới về nhiều mặt, trong đó có đổi mới tư duy lý luận, kịp thời tổng kết thực tiễn xây dựng hệ thống lý luận có tầm nhìn lâu dài và đưa ra những chủ trương và đường lối đúng đắn đúng đắn, kịp thời góp phần cho đất nước bắt kịp tốc độ phát triển của thời đại và đưa đất nước tiến nhanh và vững chắc hơn nữa trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Một lần nữa tìm hiểu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, làm rõ mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, đặc biệt là vai trò của nhân tố thực tiễn đối với quá trình nhận thức sẽ giúp cho chúng ta hiểu một cách sâu sắc hơn, toàn diện hơn những nguyên lý cơ bản của triết học Mác xít nhằm củng cố lòng tin, mài sắc tư duy lý luận chính trị, đóng góp vào quá trình tổng kết, phát triển lý luận trong cuộc sống.

